

Phụ lục I
BẢNG GIÁ QUẢNG CÁO NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 179/QĐ-PTTH ngày 07 tháng 12 năm 2021
Áp dụng cho các Công ty chuyên ngành quảng cáo - Giá chưa bao gồm 10% thuế GTGT)

I. ĐƠN GIÁ QUẢNG CÁO - THÔNG BÁO

1. Giá quảng cáo trên kênh truyền hình:

ĐVT: VNĐ

TT	THỜI ĐIỂM QUẢNG CÁO	ĐƠN GIÁ QUẢNG CÁO		
		15 giây (5" - 15")	20 giây (16" - 20")	30 giây (21" - 30")
01	- Sau thời sự sáng (7h00 – 7h05)	1.000.000	1.200.000	1.500.000
	- Đầu, cuối phim truyện và giải trí (7h05 – 8h30)	1.700.000	2.000.000	2.500.000
	- Giữa phim truyện và giải trí (vào phim 15 – 20')	2.100.000	2.400.000	3.000.000
02	- Sau thời sự trưa (12h00 – 12h30)	4.200.000	4.800.000	6.000.000
	- Đầu, cuối phim truyện và giải trí (12h30 – 14h00)	5.000.000	5.600.000	7.000.000
	- Giữa phim truyện và giải trí (vào phim 15 - 20')	6.300.000	7.200.000	9.000.000
	- Đầu, cuối phim truyện và giải trí (14h30 – 16h00)	3.500.000	4.000.000	5.000.000
	- Giữa phim truyện và giải trí (vào phim 15 - 20')	4.200.000	4.800.000	6.000.000
03	- Đầu, cuối phim truyện và giải trí (17h15 – 18h15)	4.500.000	5.200.000	6.500.000
	- Giữa phim truyện và giải trí (vào phim 15 - 20')	6.600.000	7.600.000	9.500.000
04	- Trước thời sự VTV (18h55 – 19h00)	6.300.000	7.200.000	9.000.000
	- Sau thời sự VTV (19h45 - 19h50)	16.000.000	18.000.000	20.000.000
	- Sau T/sự tối PTQ hoặc các C/mục (20h20 – 20h40)	11.000.000	13.000.000	15.000.000
05	- Đầu, cuối phim truyện và giải trí (20h40 – 21h45)	11.000.000	13.000.000	15.000.000
	- Giữa phim truyện và giải trí (vào phim 15 - 20')	14.000.000	16.000.000	18.000.000
06	- Đầu phim truyện và giải trí (22h00 – 22h30)	4.500.000	5.200.000	6.500.000
	- Giữa phim truyện và giải trí (vào phim 15 - 20')	4.200.000	4.800.000	6.000.000
	- Cuối phim truyện và giải trí (22h50 - 23h00)	3.500.000	4.000.000	5.000.000

*** Ghi chú:**

- Các TVC quảng cáo được tính theo mức chuẩn 15", 20", 30" .
- Các TVC có thời lượng cao hơn mức chuẩn được tính theo đơn giá có thời lượng cao hơn kế tiếp. Các TVC cao hơn 30 giây được tính theo đơn giá chuẩn 30 giây cộng với 50% đơn giá chuẩn kế tiếp.
- Các TVC phát trước, trong và sau chương trình THPT tính theo đơn giá quảng cáo đầu, giữa, cuối phim truyện và giải trí theo từng thời điểm phát sóng.

2. Đơn giá chương trình Tự giới thiệu trên kênh truyền hình: (Sản phẩm có sẵn)

KHUNG GIỜ PHÁT SÓNG	THỜI ĐIỂM PHÁT SÓNG	THỜI LƯỢNG PHÁT SÓNG	
		01 phút	02 phút trở lên
Từ 6h00 - 14h00 và sau 22h00	Sau các chuyên mục và quảng cáo	5.000.000đ/p	3.000.000đ/p
Từ 16h00 - 17h15	Sau các chuyên mục	6.000.000đ/p	4.000.000đ/p
Từ 20h20 - 21h00	Sau chương trình thời sự tối	8.000.000đ/p	5.500.000đ/p

Chương trình Tự giới thiệu (TGT) có độ dài hơn 01 phút được tính bằng mức chuẩn 02 phút.

3. Giá dịch vụ TVShopping: thỏa thuận.

4. Giá quảng cáo Banner trên Website:

Vị trí trên: 2.500.000đ/tháng; vị trí phải 1: 2.000.000đ/tháng, vị trí phải 2: 1.500.000đ/tháng, vị trí phải 3: 1.000.000đ/tháng; Vị trí giữa 1: 2.000.000đ/tháng, vị trí giữa 2: 1.500.000đ/tháng.

5. Giá thông báo - nhấn tin kênh truyền hình:

TT	NỘI DUNG THÔNG TIN	T/LƯỢNG	GIỜ PHÁT SÓNG	ĐƠN GIÁ
01	Các thông tin kinh tế, xã hội (sinh lợi, bảng chữ thể hiện trên màn hình theo mẫu quy định)	Đến 30 giây	12h00 – 12h30	700.000đ/lần
			18h55 – 19h00	900.000đ/lần
			20h20 – 21h00	1.000.000đ/lần
02	Các thông tin kinh tế, xã hội (không sinh lợi, bảng chữ thể hiện trên màn hình theo mẫu quy định)	Đến 30 giây	12h00 – 12h30	500.000đ/lần
			18h55 – 19h00	700.000đ/lần
			20h20 – 21h00	800.000đ/lần

Thông báo lời có Key hình ảnh phát trong chương trình thông báo quảng cáo (+) 200.000đ/hình ảnh/lần.

6. Giá quảng cáo – thông báo kênh phát thanh:

QUẢNG CÁO SINH LỢI	Đến 40 giây	Đến 60 giây
Sau thời sự sáng, trưa, chiều	500.000đ/lần	600.000đ/lần
Chương trình tự giới thiệu	600 000đ/phút/lần	
QUẢNG CÁO KHÔNG SINH LỢI	Đến 40 giây	Đến 60 giây
Sau thời sự sáng, trưa, chiều	400.000đ/lần	500.000đ/lần

II. QUY ĐỊNH VỀ CƠ CHẾ GIẢM GIÁ

1. Quy định tỷ lệ giảm giá chung:

Thực hiện giảm giá trên tất cả các hợp đồng đăng ký trực tiếp với Đài (không áp dụng đối với các hợp đồng tài trợ, hợp đồng trao đổi, khoán gọn, trọn gói...)

STT	Giá trị hợp đồng (bao gồm thuế VAT)	Mức giảm (chưa bao gồm thuế VAT)
01	Từ 15 triệu đồng đến dưới 30 triệu đồng	7%
02	Từ 30 triệu đồng đến dưới 60 triệu đồng	9%
03	Từ 60 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	13%
04	Từ 100 triệu đồng đến dưới 150 triệu đồng	15%
05	Từ 150 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng	17%
06	Từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng	19%
07	Từ 500 triệu đồng đến dưới 700 triệu đồng	20%
08	Từ 700 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng	22%
09	Từ 1 tỷ đồng đến dưới 1,5 tỷ đồng	25%
10	Từ 1,5 tỷ đồng đến 2 tỷ đồng	26%

Từ 2 tỷ đồng trở lên, cứ doanh số tăng 500 triệu đồng thì mức giảm giá sẽ tăng thêm 01% (tối đa không quá 35%).

2. Quy định tỷ lệ giảm giá bổ sung và chế độ khuyến khích:

2.1. Đối với khách hàng ký hợp đồng nguyên tắc 01 năm thực hiện thanh toán tiền quảng cáo 100% trước khi phát quảng cáo (*doanh số tính theo thực tế từng tháng và khách hàng phải tự ước tính trả trước cho Đài*), được hưởng chế độ khuyến khích giảm giá bổ sung 3% trên số tiền thanh toán trước sau khi đã trừ giảm giá theo khung giảm giá.

2.2. Đối với khách hàng ký hợp đồng nguyên tắc 01 năm nếu vượt mức cam kết theo thỏa thuận thì cuối năm tùy tình hình thực tế Đài sẽ xét giảm giá bổ sung. Mức giảm giá bổ sung do Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Quảng Ngãi quyết định căn cứ vào doanh số thực hiện trong năm và được quy đổi thành Spot quảng cáo.

Trong từng giai đoạn, Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Quảng Ngãi sẽ ra các quyết định giảm giá phù hợp với tình hình thực tế.

2.3. Trong năm, Đài sẽ áp dụng những đợt giảm giá đặc biệt đối với các gói sản phẩm mới chưa phát trên sóng của Đài, mức giảm giá do Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Quảng Ngãi quyết định. Doanh số này không được tính vào hợp đồng nguyên tắc trong năm.

2.4. Đối với các khách hàng hợp tác chương trình, tài trợ (trao đổi bằng thời lượng quảng cáo) với Đài, tùy theo nội dung chương trình, thời điểm phát sóng, giá trị trao đổi, mức giảm giá cụ thể sẽ được hai bên thỏa thuận dựa vào mức độ đầu tư và hiệu quả kinh tế của chương trình hợp tác, tài trợ.

III. MỘT SỐ QUY ĐỊNH KHÁC

1. Khách hàng có nhu cầu thực hiện thông báo - quảng cáo phải cung cấp đầy đủ các giấy tờ liên quan theo quy định của Nhà nước.

2. Các sản phẩm quảng cáo phải đảm bảo chất lượng về hình ảnh, âm thanh và phải tuân theo quy định của pháp luật hiện hành về quảng cáo.

3. Trường hợp khách hàng muốn thay đổi nội dung thông báo - quảng cáo thì phải thông báo cho phòng Dịch vụ và quảng cáo trước 10h (*chương trình buổi trưa*), trước 15h30 (*chương trình buổi chiều tối và chương trình sáng hôm sau*).

4. Các khách hàng tham gia quảng cáo vào các khung giờ không có trong Bảng giá, sẽ được áp dụng khung giờ liền kề trước hoặc sau theo thỏa thuận giữa hai bên.

5. Đối với những trường hợp khác không được quy định trong Phụ lục này sẽ do Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Quảng Ngãi quyết định.

6. Thời gian giao dịch: từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, thứ Bảy làm việc buổi sáng.

- Sáng: từ 7h00 đến 11h00.

- Chiều: từ 13h30 đến 16h30.

Bảng giá này được áp dụng kể từ ngày 01/01/2022. Trong quá trình thực hiện, nếu có những thay đổi thì Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Quảng Ngãi sẽ thông báo trước cho khách hàng ít nhất là 10 ngày.

*** Mọi chi tiết xin liên hệ:**

Phòng Dịch vụ và quảng cáo, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: 165 Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

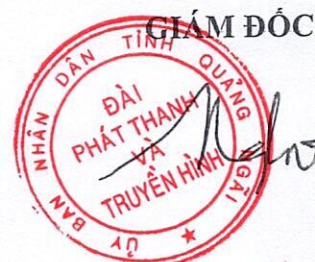
Điện thoại: 0255 3711178; Fax: 0255 3711979

DD: 0914 080 532

Website: www.quangngaitv.vn

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Các phòng thuộc Đài;
- Khách hàng quảng cáo;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, DV&QC.
- Liên hệ quảng cáo: 0989 612 668



Đặng Văn Nghiệp